



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5710/QĐ-UB ngày 26/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội. Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100596869 lần đầu ngày 05/11/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 561 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm 09/06/2017
Bà Nguyễn Thùy Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm 09/06/2017
Bà Vũ Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Hải Đường	Thành viên	Bổ nhiệm 09/06/2017
Ông Đinh Bá Chu	Thành viên	Miễn nhiệm 09/06/2017
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm 09/06/2017
Bà Lê Thị Lan Hương	Thành viên	Miễn nhiệm 09/06/2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Minh Tuấn	Giám đốc	
Ông Trịnh Hải Đường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 04/2017
Ông Đinh Bá Chu	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm 04/2017

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Kim Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm 09/06/2017
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thiều Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm 09/06/2017

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Vũ Minh Tuấn



Số: 270/BCKT-TC/AVA

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trí

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên, được lập ngày 02/03/2018, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



---

**Ngô Quang Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

---

**Đặng Ngọc Khánh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN Kiểm toán số  
2505-2017-126-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.912.826.945</b>	<b>29.447.316.304</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>1.184.118.428</b>	<b>698.150.204</b>
1. Tiền	111		1.184.118.428	698.150.204
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.830.955.703</b>	<b>3.439.282.355</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.821.808.414	1.534.179.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	171.975.297	2.139.905.631
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	-	29.901.917
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(162.828.008)	(264.704.523)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>25.274.852.789</b>	<b>24.167.595.222</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.274.852.789	24.167.595.222
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>622.900.025</b>	<b>1.142.288.523</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	497.656.100	963.383.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		125.243.925	178.904.923
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.839.225.768</b>	<b>15.708.464.485</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.010.488.208</b>	<b>14.297.213.219</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.010.488.208	14.297.213.219
- Nguyên giá	222		43.678.424.021	41.729.905.657
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.667.935.813)	(27.432.692.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		559.865.156	559.865.156
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(559.865.156)	(559.865.156)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>359.677.115</b>	<b>359.677.115</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		359.677.115	359.677.115
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>469.060.445</b>	<b>1.051.574.151</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	469.060.445	1.051.574.151
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>43.752.052.713</b>	<b>45.155.780.789</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.859.478.145</b>	<b>25.227.227.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.562.824.548</b>	<b>24.965.622.029</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.331.365.450	10.744.452.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	928.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	209.516.723	489.053.975
4. Phải trả người lao động	314		1.790.980.228	1.988.283.518
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	535.409.097	364.545.454
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	193.024.707	490.502.363
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	9.139.571.326	10.390.332.510
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		800.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		562.957.017	497.524.190
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>296.653.597</b>	<b>261.605.113</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13	82.653.597	92.605.113
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	204.000.000	154.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	10.000.000	15.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.892.574.568</b>	<b>19.928.553.647</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>20.892.574.568</b>	<b>19.928.553.647</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.900.000.000	10.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.900.000.000	10.900.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.049.800.939	5.150.431.679
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.942.773.629	3.878.121.968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ-trước	421a		1.203.809.154	880.224.434
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.738.964.475	2.997.897.534
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>43.752.052.713</b>	<b>45.155.780.789</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

Nguyễn Thị  
Phương



Vũ Minh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	167.674.228.288	179.408.051.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.501.423	7.975.205
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>167.669.726.865</b>	<b>179.400.075.942</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	132.099.959.444	144.887.808.352
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>35.569.767.421</b>	<b>34.512.267.590</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.784.024	113.347.403
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	411.229.519	242.259.282
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		411.229.519	242.259.282
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	23.406.738.656	23.081.992.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.596.594.819	7.491.674.267
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.192.988.451</b>	<b>3.809.689.414</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	262.001.050	362.162.926
12. Chi phí khác	32	VI.7	19.257	408.976.377
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>261.981.793</b>	<b>(46.813.451)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.454.970.244</b>	<b>3.762.875.963</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	716.005.769	764.978.429
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.738.964.475</b>	<b>2.997.897.534</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	2.337	2.558
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		2.337	2.558

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thị  
Phương

Vũ Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		183.500.584.297	196.055.509.054
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(154.296.791.126)	(165.274.391.586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.588.358.876)	(14.381.219.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(392.289.012)	(224.753.419)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.071.563.039)	(890.929.274)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.508.673.709	9.192.651.282
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.764.415.593)	(21.546.546.849)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.895.840.360</b>	<b>2.930.320.208</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.771.380.331)	(11.025.126.726)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	45.480.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		3.587.554	62.097.517
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.767.792.777)</b>	<b>(10.917.549.209)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		27.421.543.050	20.780.431.932
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.677.304.234)	(12.343.060.641)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.386.318.175)	(1.437.124.775)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.642.079.359)</b>	<b>7.000.246.516</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>485.968.224</b>	<b>(986.982.485)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>698.150.204</b>	<b>1.685.132.688</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.184.118.428</b>	<b>698.150.203</b>

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
 Nguyễn Thị  
 Phương


Vũ Minh Tuấn



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2017

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5710/QĐ-UB ngày 26/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội. Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100596869 lần đầu ngày 05/11/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 561 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.900.000.000 đồng (Mười tỷ chín trăm triệu đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Bán mô tô, xe máy;

Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Hoạt động viễn thông khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thuốc,

dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới

trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;

Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm

tương tự; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;

Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

Đại lý du lịch.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.



## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

#### **Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi và được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng có liên quan.

#### **Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****17.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

**17.2. Công cụ tài chính****(a) Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**(b) Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**17.3. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	632.187.945	510.595.992
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	551.930.483	187.554.212
<b>Cộng</b>	<b>1.184.118.428</b>	<b>698.150.204</b>
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2017	01/01/2017
Bệnh viện đa khoa Đức Giang	-	289.813.625
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	572.174.003	412.056.003
Công Ty TNHH TM và DV Thạch Bàn	-	165.472.991
Sở Công thương Hà nội	-	193.050.000
Trường ĐHNH Hà Nội	184.272.000	298.737.000
Chi nhánh dịch vụ và du lịch Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội	196.891.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Unilever Việt Nam	287.319.688	-
Các khách hàng khác	581.151.723	175.049.711
<b>Cộng</b>	<b>1.821.808.414</b>	<b>1.534.179.330</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

3.	Trả trước cho người bán	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Sơn Việt Anh	-	-	-	1.844.318.000
	Trả trước cho người bán khác	171.975.297	-	171.975.297	295.587.631
	<b>Cộng</b>	<b>171.975.297</b>	<b>-</b>	<b>171.975.297</b>	<b>2.139.905.631</b>
4.	Phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Ký cược, ký quỹ	-	-	29.900.250	-
	Phải thu khác	-	-	1.667	-
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.901.917</b>	<b>-</b>
5.	Nợ xấu	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<b>Phải thu quá hạn trên 3 năm</b>				
	Công ty CP thực phẩm truyền thống Hapro	-	-	101.876.515	-
	Cty TNHH TM và ĐTPPT Thủy sản Miền Bắc	162.828.008	-	162.828.008	-
	<b>Cộng</b>	<b>162.828.008</b>	<b>-</b>	<b>264.704.523</b>	<b>-</b>
6.	Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	137.759.162	-	170.129.696	-
	Hàng hóa	25.137.093.627	-	23.997.465.526	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.274.852.789</b>	<b>-</b>	<b>24.167.595.222</b>	<b>-</b>
7.	Chi phí trả trước	31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<b>Ngắn hạn</b>				
	Công cụ dụng cụ	-	-	57.517.857	504.864.091
	Chi phí sửa chữa tài sản	440.138.243	-	440.138.243	450.519.509
	Chi phí thuê nhà	-	-	-	8.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>440.138.243</b>	<b>-</b>	<b>497.656.100</b>	<b>963.383.600</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	-	45.792.000
Chi phí sửa chữa tài sản - Siêu thị Ngõ Gia Tự	469.060.445	1.005.782.151
<b>Cộng</b>	<b>469.060.445</b>	<b>1.051.574.151</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, tiện vận tải, thiết bị	Phương truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2017	23.146.014.003	17.479.442.507	776.449.091	223.861.874	104.138.182	41.729.905.657
Mua trong kỳ		47.022.000				47.022.000
ĐT XDCB hoàn thành	1.901.496.364					1.901.496.364
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>25.047.510.367</b>	<b>17.526.464.507</b>	<b>776.449.091</b>	<b>223.861.874</b>	<b>104.138.182</b>	<b>43.678.424.021</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2017	13.693.165.899	12.635.077.392	776.449.091	223.861.874	104.138.182	27.432.692.438
Khấu hao trong kỳ	1.206.095.376	1.029.147.999				2.235.243.375
Tăng khác (phân loại)	40.000.000	(40.000.000)				-
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>14.939.261.275</b>	<b>13.624.225.391</b>	<b>776.449.091</b>	<b>223.861.874</b>	<b>104.138.182</b>	<b>29.667.935.813</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	9.452.848.104	4.844.365.115	-	-	-	14.297.213.219
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>10.108.249.092</b>	<b>3.902.239.116</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.010.488.208</b>
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						14.576.227.091

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình là giá trị Phần mềm máy tính đã khấu hao hết.

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Chi phí cải tạo sửa chữa tầng 4 Siêu thị Hapromart Sài Đồng (*)	359.677.115	359.677.115
<b>Cộng</b>	<b>359.677.115</b>	<b>359.677.115</b>

(\*) Giá trị khoản chi phí đầu tư hệ thống máy điều hòa Carrier chưa đưa vào lắp đặt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11. Phải trả người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH TM Tín Nghĩa	201.013.257	201.013.257	482.826.608	482.826.608
CN Công ty TNHH TM tổng hợp Thủ Đô	-	-	404.221.326	404.221.326
Công ty CP Trường Hà	90.000	90.000	386.375.907	386.375.907
Cty TNHH dịch vụ và chế biến TP Minh Dương	123.431.455	123.431.455	317.917.483	317.917.483
Công ty CP Đầu Tư & TM Tuấn Thanh	178.892.298	178.892.298	254.972.300	254.972.300
Công ty TNHH SX TM Hoàng Việt Mỹ	298.346.400	298.346.400	238.849.600	238.849.600
Công ty CP SX - DV Quảng cáo và XNK T&T	14.170.335	14.170.335	190.154.250	190.154.250
Xí nghiệp QL & PT Nhà Long Biên	3.273.600	3.273.600	156.043.636	156.043.636
Công ty TNHH TM K&G Việt Nam	299.075.856	299.075.856	284.019.414	284.019.414
Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Nguyệt An	372.827.116	372.827.116	197.642.708	197.642.708
Khách hàng khác	7.840.245.133	7.840.245.133	7.831.428.787	7.831.428.787
<b>Cộng</b>	<b>9.331.365.450</b>	<b>9.331.365.450</b>	<b>10.744.452.019</b>	<b>10.744.452.019</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2017		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	-	16.580.306.282	16.580.306.282	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	206.005.769	790.590.379	1.071.563.039	-	486.978.429
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.510.954	82.553.183	81.117.775	-	2.075.546
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.415.075.363	2.415.075.363	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	61.206.360	61.206.360	-	-
<b>Cộng</b>	<b>- 209.516.723</b>	<b>19.944.731.567</b>	<b>20.224.268.819</b>	<b>20.224.268.819</b>	<b>- 489.053.975</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2017		01/01/2017				
	<b>Ngắn hạn</b>						
Doanh thu cho thuê nhà dưới 12 tháng		535.409.097		364.545.454			
<b>Cộng</b>		<b>535.409.097</b>		<b>364.545.454</b>			
<b>Dài hạn</b>							
Doanh thu cho thuê nhà		82.653.597		92.605.113			
<b>Cộng</b>		<b>82.653.597</b>		<b>92.605.113</b>			
<b>14. Phải trả khác</b>		<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>			
<b>Ngắn hạn</b>							
Kinh phí công đoàn		75.649.888		92.926.754			
Bảo hiểm xã hội		-		253.337.942			
Bảo hiểm y tế		-		42.227.911			
Bảo hiểm thất nghiệp		-		19.487.534			
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		9.657.720		27.901.395			
Lãi vay phải trả		49.493.359		24.131.851			
Các khoản phải trả, phải nộp khác		58.223.740		30.488.976			
<b>Cộng</b>		<b>193.024.707</b>		<b>490.502.363</b>			
<b>Dài hạn</b>							
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		204.000.000		154.000.000			
<b>Cộng</b>		<b>204.000.000</b>		<b>154.000.000</b>			
<b>15. Vay và nợ thuê tài chính</b>							
		31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
		<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bắc Hà Nội	(i)	7.119.571.326	7.119.571.326	25.406.543.050	27.252.304.234	8.965.332.510	8.965.332.510
Vay cá nhân	(ii)	2.020.000.000	2.020.000.000	2.020.000.000	1.425.000.000	1.425.000.000	1.425.000.000
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>9.139.571.326</b>	<b>9.139.571.326</b>	<b>27.426.543.050</b>	<b>28.677.304.234</b>	<b>10.390.332.510</b>	<b>10.390.332.510</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay cá nhân	(iii)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
<b>Vay dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- (i) Hợp đồng số 255/2016-HĐTDHM/NHCT129-LONGBIEN ngày 27/6/2016. Hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay từ khi giải ngân đến ngày 20/6/2017. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng một lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo bằng tài sản và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển.
- Hợp đồng số 476/2017-HĐCVHM/NHCT129-LONGBIEN ngày 15/8/2017. Hạn mức cho vay là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay từ khi giải ngân đến ngày 31/07/2018. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng một lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo bằng tài sản và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển.
- (ii) Các Hợp đồng vay có thời hạn gốc 12 tháng trở xuống, lãi suất 0,67%/tháng.
- (iii) Các Hợp đồng vay có thời hạn gốc 18 tháng, lãi suất 6%/năm.

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư 01/01/2016	10.900.000.000	4.218.415.947	3.446.710.503	18.565.126.450
Lãi trong kỳ			2.997.897.534	2.997.897.534
Phân phối lợi nhuận		932.015.732	(2.566.486.069)	(1.634.470.337)
<b>Số dư 31/12/2016</b>	<b>10.900.000.000</b>	<b>5.150.431.679</b>	<b>3.878.121.968</b>	<b>19.928.553.647</b>
Số dư 01/01/2017	10.900.000.000	5.150.431.679	3.878.121.968	19.928.553.647
Lãi trong kỳ			2.738.964.475	2.738.964.475
Trích quỹ		899.369.260		899.369.260
Giảm khác			(148.090.727)	(148.090.727)
Phân phối lợi nhuận (*)			(2.526.222.087)	(2.526.222.087)
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>10.900.000.000</b>	<b>6.049.800.939</b>	<b>3.942.773.629</b>	<b>20.892.574.568</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2017 - 2011 ngày 09/06/2017, Công ty thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Lợi nhuận năm 2016	2.997.897.534
Lợi nhuận được phân phối:	2.526.222.087
Trích quỹ ĐTPT (30%):	899.369.260
Trích quỹ KTPL (7%):	209.852.827
Chia cổ tức:	1.417.000.000
Lợi nhuận năm 2016 còn lại:	471.675.447

16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	30,94	3.372.460.000	30,94	3.372.460.000
Các cổ đông khác	69,06	7.527.540.000	69,06	7.527.540.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>10.900.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>10.900.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2017	Năm 2016
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	10.900.000.000	10.900.000.000
Vốn góp cuối kỳ	10.900.000.000	10.900.000.000
<b>16.4. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.090.000	1.090.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.090.000	1.090.000
Cổ phiếu phổ thông	1.090.000	1.090.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.090.000	1.090.000
Cổ phiếu phổ thông	1.090.000	1.090.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>16.5. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Quỹ đầu tư phát triển	6.049.800.939	5.150.431.679
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	Đơn vị tính: VND	
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Doanh thu bán hàng	160.585.434.057	172.888.817.822
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.088.794.231	6.519.233.325
<b>Cộng</b>	<b>167.674.228.288</b>	<b>179.408.051.147</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.099.959.444	144.887.808.352
<b>Cộng</b>	<b>132.099.959.444</b>	<b>144.887.808.352</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.587.554	62.099.184
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	34.196.470	46.096.471
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.151.748
<b>Cộng</b>	<b>37.784.024</b>	<b>113.347.403</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lãi tiền vay	411.229.519	242.259.282
<b>Cộng</b>	<b>411.229.519</b>	<b>242.259.282</b>
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	14.338.077.297	12.981.904.555
Chi phí vật liệu, bao bì	82.679.268	82.679.268
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.380.543.794	1.776.891.198
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.822.209.495	1.802.261.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.669.646.098	6.287.830.654
Chi phí khác bằng tiền	113.582.704	150.424.477
<b>Cộng</b>	<b>23.406.738.656</b>	<b>23.081.992.030</b>
 <b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	3.739.074.805	3.097.968.608
Chi phí vật liệu	66.940.000	4.416.818
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	751.317.933	252.802.532
Chi phí khấu hao TSCĐ	107.558.544	284.610.091
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	2.430.075.363	2.427.635.856
Chi phí dự phòng	(50.934.507)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.254.318	1.204.793.678
Chi phí bằng tiền khác	332.308.363	219.446.684
<b>Cộng</b>	<b>8.596.594.819</b>	<b>7.491.674.267</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Tiền hỗ trợ, tiền thưởng	256.519.142	281.693.678
Xử lý nợ không phải trả	-	79.754.826
Thu nhập khác	5.481.908	714.422
<b>Cộng</b>	<b>262.001.050</b>	<b>362.162.926</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	358.878.244
Chi phí khác	19.257	50.098.133
<b>Cộng</b>	<b>19.257</b>	<b>408.976.377</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	824.728.211	850.703.964
Chi phí nhân công	18.259.724.522	16.288.471.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.152.564.107	2.322.928.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.947.925.633	8.634.248.140
Chi phí khác bằng tiền	4.956.893.650	4.132.770.151
<b>Cộng</b>	<b>33.141.836.123</b>	<b>32.229.122.098</b>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.454.970.244	3.762.875.963
Các khoản điều chỉnh tăng	125.058.601	62.016.184
Các khoản điều chỉnh giảm ( )	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.580.028.845	3.824.892.147
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	716.005.769	764.978.429
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>716.005.769</b>	<b>764.978.429</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.738.964.475	2.997.897.534
Các khoản điều chỉnh:		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(191.727.513)	(209.852.827)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.547.236.962	2.788.044.707
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.090.000	1.090.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.337</b>	<b>2.558</b>

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 ước 7%, tương đương tỷ lệ trích trên lợi nhuận 2016.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	Cổ đông
Công ty cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	Công ty thành viên Tổng công ty Thương mại Hà Nội

**2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	Trả cổ tức	438.490.000	438.490.000
	Mua hàng hóa, DV	22.653.636	4.700.000
	Phí sử dụng thương hiệu	-	56.500.000
Công ty cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	Phí nhượng quyền thương mại	116.984.995	-

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4. Công cụ tài chính****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

<u>Tài sản tài chính</u>	<u>Giá trị sổ kế toán</u>			
	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và tương đương tiền	1.184.118.428		698.150.204	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.821.808.414	(162.828.008)	1.564.081.247	(264.704.523)
<b>Cộng</b>	<b>3.005.926.842</b>	<b>(162.828.008)</b>	<b>2.262.231.451</b>	<b>(264.704.523)</b>
<u>Nợ phải trả tài chính</u>	<u>Giá trị sổ kế toán</u>			
	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
Phải trả người bán, phải trả khác			9.728.390.157	11.388.954.382
Vay và nợ			9.149.571.326	10.405.332.510
<b>Cộng</b>			<b>18.877.961.483</b>	<b>21.794.286.892</b>



Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**(a) Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và tương đương tiền	1.184.118.428			1.184.118.428
Phải thu khách hàng, Phải thu khác	1.658.980.406	-	-	1.658.980.406
<b>Cộng</b>	<b>2.843.098.834</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.843.098.834</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN**Số 561 đường Nguyễn Văn Linh,  
phường Sài Đồng, quận Long Biên, T.p Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và tương đương tiền	698.150.204			698.150.204
Phải thu khách hàng, Phải thu khác	1.299.376.724	-	-	1.299.376.724
<b>Cộng</b>	<b>1.997.526.928</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.997.526.928</b>

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.524.390.157	204.000.000	-	9.728.390.157
Vay và nợ	9.139.571.326	10.000.000	-	9.149.571.326
<b>Cộng</b>	<b>18.663.961.483</b>	<b>214.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.877.961.483</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.234.954.382	154.000.000	-	11.388.954.382
Vay và nợ	10.390.332.510	15.000.000	-	10.405.332.510
<b>Cộng</b>	<b>21.625.286.892</b>	<b>169.000.000</b>	<b>-</b>	<b>21.794.286.892</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không thấp. Công ty đã xây dựng kế hoạch thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

Nguyễn Thị Phương

Vũ Minh Tuấn

